|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/TT-BYT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO 15/6**

**THÔNG TƯ**

**Quy định phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh**

**và nội dung đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ khám bệnh, chữa bệnh**

**của nhân viên y tế làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức**

**mà không thành lập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

*Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 19 Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Môi trường y tế;*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư Quy định* *phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ khám bệnh, chữa bệnh của nhân viên y tế làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức mà không thành lập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn điểm b khoản 2 Điều 19 Luật Khám bệnh, chữa bệnh về phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ khám bệnh, chữa bệnh của nhân viên y tế làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức mà không thành lập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 2. Phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của nhân viên y tế tại cơ quan, đơn vị, tổ chức, cơ sở giáo dục.**

1. Xử trí, sơ cấp cứu trong tình huống khẩn cấp bao gồm cấp cứu tai nạn thương tích và các tình huống sơ cấp cứu khác (tiêu chảy, ngất, chảy máu cam, sốt, cơn hen cấp, động vật, côn trùng cắn, đốt, hút; dị vật đường thở, sặc sữa; đuối nước, ngộ độc thực phẩm, ngộ độc hơi khí độc, say nắng, say nóng, đột quỵ, bỏng, điện giật, sét đánh).

2. Thực hiện theo chỉ định của bác sỹ có giấy phép hành nghề; khám, chữa bệnh từ xa theo hướng dẫn của chuyên gia y tế tuyến trên; thực hiện tiêm (chích), thay băng, cắt chỉ, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp, vật lý trị liệu, phục hồi chức năng, lấy máu xét nghiệm.

3. Khám, chữa bệnh một số bệnh tật thông thường cụ thể như sau:

a) Các bệnh thường gặp của người lao động:

- Khám phát hiện sớm triệu chứng của các bệnh truyền nhiễm, bệnh liên quan đến nghề nghiệp và tư vấn cho người lao động đến khám, điều trị tại các cơ sở y tế tuyến trên.

- Khám, chữa bệnh (\*): viêm kết mạc dị ứng cấp, viêm mũi dị ứng theo mùa, viêm mũi dị ứng khác; tiêu chảy, táo bón; viêm da tiếp xúc dị ứng.

b) Các bệnh, tật thường gặp của học sinh, sinh viên:

- Khám phát hiện sớm triệu chứng của các bệnh truyền nhiễm; các bệnh tật học đường (cận thị, loạn thị, còi xương, suy dinh dưỡng, béo phì, cong vẹo cột sống) và tư vấn cho phụ huynh, học sinh, sinh viên đến khám, điều trị tại các cơ sở y tế tuyến trên.

- Khám, chữa bệnh (\*): viêm kết mạc dị ứng cấp, đau mắt đỏ; viêm mũi họng, viêm amidan, tiêu chảy, táo bón, viêm da tiếp xúc dị ứng, các bệnh về răng miệng học đường;

(\*) Thời gian điều trị: Xử trí ban đầu và chuyển tuyến trong trường hợp cần thiết.

**Điều 3. Nội dung chuyên môn nghiệp vụ cần được đào tạo**

1. Thực hiện được các nội dung quy định tại Điều 2 của Thông tư này.
2. Thực hiện được chuyên môn kỹ thuật theo danh mục quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Y tế giao Cục Quản lý Môi trường y tế làm đầu mối phối hợp với Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai, thực hiện Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ, Ngành chỉ đạo các cơ sở đào tạo, cơ quan y tế trực thuộc tổ chức triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên y tế làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức mà không thành lập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Thông tư này.

3. Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng cơ quan y tế các Bộ, ngành chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này trong phạm vi phụ trách.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí, tạo điều kiện cho nhân viên y tế được tham gia các khóa đào tạo liên tục theo quy định của Thông tư này.

5. Các cơ sở đào tạo tổ chức chương trình đào tạo bảo đảm các nội dung chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023.

2. Cục trưởng Cục Quản lý Môi trường y tế, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Quản lý Môi trường y tế) để nghiên cứu, xem xét giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Xã hội của Quốc hội (để giám sát);  - Văn phòng Chính phủ (Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ);  - Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);  - Bộ trưởng Bộ Y tế;  *-* Các Thứ trưởng Bộ Y tế;  - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Đơn vị trực thuộc Bộ;  - Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;  - Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;  - Lưu: VT, PC, MT(03). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Liên Hương** |

**Phụ lục**

**Danh mục chuyên môn kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh cần đào tạo cho**

**nhân viên y tế làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức, cơ sở giáo dục**

| **STT** | **Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT- BYT và Thông tư 21/2017/TT- BYT\*** | **Danh mục chuyên môn kỹ thuật** | **Nhân viên**  **y tế tại cơ quan, đơn vị, tổ chức** | **Nhân viên**  **y tế tại cơ sở giáo dục** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **HỆ TUẦN HOÀN** |  |  |
|  | 2.113 | Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp | x | x |
|  | 3.203 | Cầm máu (vết thương chảy máu) | x | x |
|  | 9.6 | Cấp cứu cao huyết áp | x | x |
|  | 9.8 | Cấp cứu ngừng tim | x | x |
|  | 9.10 | Cấp cứu tụt huyết áp | x | x |
|  | 3.51 | Ép tim ngoài lồng ngực | x | x |
|  | 3.1411 | Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp | x | x |
|  |  | **HỆ HÔ HẤP** |  |  |
|  | 15.221 | Sơ cứu bỏng đường hô hấp | x | x |
|  | 3.2189 | Sơ cứu bỏng kỳ đầu đường hô hấp | x | x |
|  | 3.107 | Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) | x | x |
|  | 9.7 | Cấp cứu ngừng thở | x | x |
|  | 3.105 | Thổi ngạt | x | x |
|  |  | **HỆ TIÊU HOÁ** |  |  |
|  | 2.215 | Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa | x | x |
|  | 2.221 | Thụt tháo | x | x |
|  |  | **HỆ NỘI TIẾT** |  |  |
|  | 7.241 | Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện | x | x |
|  |  | **HỆ CƠ XƯƠNG** |  |  |
|  | 10.164 | Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản | x | x |
|  | 16.300 | Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt | x | x |
|  | 1.157 | Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn | x | x |
|  | 1.276 | Cố định tạm thời người bệnh gãy xương | x | x |
|  | 1.277 | Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng | x | x |
|  | 3.2072 | Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm | x | x |
|  | 16.301 | Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt | x | x |
|  |  | **MẮT** |  |  |
|  | 14.212 | Cấp cứu bỏng mắt ban đầu | x | x |
|  | 14.260 | Đo thị lực | x | x |
|  | 14.208 | Thay băng vô khuẩn |  | x |
|  | 14.174 | Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt |  | x |
|  |  | **MŨI , MIỆNG, HỌNG** |  |  |
|  | 15.222 | Khí dung mũi họng | x | x |
|  | 15.212 | Lấy dị vật họng miệng | x | x |
|  | 15.141 | Nhét bấc mũi trước | x | x |
|  |  | **DA VÀ LỚP BAO PHỦ** |  |  |
|  | 3.1515 | Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu. | x | x |
|  |  | **TÂM THẦN** |  |  |
|  | 6.48 | Tư vấn tâm lí | x | x |
|  |  | **Y HỌC CỔ TRUYỀN** |  |  |
|  | 3.483 | Xoa bóp bấm huyệt bằng tay | x |  |
|  |  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu cơ năng | x |  |
|  |  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thắt lưng | x |  |
|  |  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh hông to | x |  |
|  |  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị cảm cúm | x |  |
|  |  | Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vai gáy | x |  |
|  | 8.428 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp | x |  |
|  | 8.431 | Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai | x |  |
|  | 8.28 | Luyện tập dưỡng sinh | x |  |
|  |  | **DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁC** |  |  |
|  | 1.275 | Băng bó vết thương | x | x |
|  | 1.269 | Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn | x | x |
|  | 1.65 | Bóp bóng Ambu qua mặt nạ | x | x |
|  | 1.270 | Ga rô hoặc băng ép cầm máu | x | x |
|  | 11.177 | Kỹ thuật massage tại chỗ trong chăm sóc vết thương mạn tính | x | x |
|  | 3.1403 | Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy | x | x |
|  | 11.138 | Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do cóng lạnh | x | x |
|  | 11.139 | Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do kiềm và các hóa chất khác | x | x |
|  | 11.140 | Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do tia xạ | x | x |
|  | 11.82 | Sơ cấp cứu bỏng acid | x | x |
|  | 11.83 | Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện | x | x |
|  | 11.81 | Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng | x | x |
|  | 11.79 | Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt | x | x |
|  | 11.80 | Xử lí tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng | x | x |
|  | 9.172 | Theo dõi nhịp tim qua ống nghe thực quản | x | x |
|  | 9.176 | Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui | x | x |
|  | 3.204 | Vận chuyển người bệnh an toàn | x | x |
|  | 3.885 | Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay | x |  |
|  | 3.886 | Xoa bóp lưng, chân | x |  |
|  | 3.887 | Xoa bóp | x |  |

*\* Mã số tại cột “Số TT Theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT” được hiểu như sau: Ví dụ: mã “11.80” có nghĩa là danh mục kỹ thuật này được quy định tại Chương XI và có số thứ tự là 80 của danh mục ban hành kèm theo Thông tư 43/2013/TT-BYT và Thông tư 21/2017/TT-BYT.*